THI ONLINE: PHÂN BIỆT THÌ HIỆN TẠI ĐƠN & THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

CHUYÊN ĐỀ: CÁC THÌ CƠ BẢN TRONG TIẾNG ANH

MÔN TIẾNG ANH - LỚP 12

BIÊN SOẠN: CÔ GIÁO: HOÀNG XUÂN

MỤC TIÊU

- Phân biệt Thì Hiện tại đơn & Thì Hiện tại tiếp diễn

(868631) Give the corect form of the verb in each of the following questions.

Question 1. Look! He_____(leave) the house.

Question 2. Quiet please! I_____(write) a test.

Question 3. She usually_____(walk) to school.

Question 4. But look! Today she_____(go) by bike.

Question 5. Every Sunday we_____(go) to see my grandparents.

Question 6. He often_____(go) to the cinema.

Question 7. We_____(play) badminton at the moment.

Question 8. The child seldom_____(cry).

Question 9. I_____(not/ do) anything at the moment.

Question 10. _____(watch/he) the news regularly?

Question 11.

A: Where is Molly?

B: She_____(feed) her cat downstairs.

Question 12. _____(she/ need) to go and see a doctor?

Question 13. She usually_____(wash) the dishes after dinner.

Question 14. He frequently_____(do) yoga.

Question 15. We_____(move) to Canada in August.

Question 16. My son_____ (not practise) the piano every day.

Question 17. I_____ (not like) to take selfies.

Question 18. Megan_____ (go) on holiday to Cornwall this summer.

Question 19. When_____(the film/ start)?

Question 20. The earth_____(go) round the sun.

Question 21. Listen! My mother (sing)_____ a song.

Question 22. Every night, we (go)_____ to bed at 10 p.m.

Question 23. Giang (like)_____ music but I (like)_____Math.

Question 24. Now, they (stay)_____ in Hue.

Question 25. My father (read)_____morning a newspaper in the morning.

Question 26. Phong, An, Ha, Lan (be)_____close friends.

Question 27. It (be)_____ 10.00. We (learn)_____ our lesson.

Question 28. What_____you (do)_____ now?

Question 29. _____your mother (walk) to work every day?

Question 30. They (not play)_____soccer in the morning.

Question 31. (Do)_____ you study at an elementary school?

Question 32. (Do)_____ we have any cheese in the fridge?

Question 33. (Do)_____ Mrs. Smith drive to work?

Question 34. (Do)_____ the train arrive at eleven o'clock?

Question 35. What_____ you (do)_____ tonight?

Question 36. He_____ (always/complain). If he doesn't like the job, he should find a better one.

Question 37. In many countries, the cost of food and bills_____(rise).

Question 38. Normally I_____ (start) work at 8 o'clock, but I_____(start) at 7 this week. We're busyat the moment.

Question 39. I haven't got a car at the moment, so I_____(go) to work on the bus this week. Usually I_____(drive) to work.

Question 40. Sarah takes the train every day, does she? - Yes, she_____(always/take) the train.

----THE END----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN BỞI BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Look!: nhìn kìa! (dấu hiệu nhận biết thì hiện tại tiếp diễn)

Tạm dịch: Nhìn! Anh ấy đang rời khỏi ngôi nhà.

Choose "is leaving".

2 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Quiet please!: Trật tự đi! (dấu hiệu nhận biết thì hiện tại tiếp diễn)

Tạm dịch: Làm ơn im lặng! Tôi đang làm một bài kiểm tra.

Choose "am writing".

3 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Usually: thường (dấu hiệu nhận biết thì hiện tại đơn)

Tạm dịch: Cô ấy thường đi bộ đến trường.

Choose "walks".

4 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Look!: nhìn kìa (dấu hiệu nhận biết thì hiện tại tiếp diễn)

Tạm dịch: Nhưng nhìn này! Hôm nay cô ấy đang đi bằng xe đạp.

Choose "is going".

5 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Every Sunday: mỗi Chủ nhật (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Chủ Nhật hàng tuần chúng tôi đi đến gặp ông bà tôi.

Choose "go".

6 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Often: thường (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Anh ấy thường đi tới rạp chiếu phim.

Choose "goes".

7 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

At the moment: lúc này (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Hiện tại chúng tôi đang chơi cầu lông.

Choose "are playing".

8 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Seldom: hiếm khi (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Đứa trẻ hiếm khi khóc.

Choose "cries".

9 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

At the moment: lúc này (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Tôi đang không làm bất cứ điều gì vào lúc này.

Choose "am not doing".

10 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Regularly: thường xuyên (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Anh ấy có xem tin tức thường xuyên không?

Choose "Does he watch".

11 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Diễn tả hành động đang xảy ra tại thời điểm nói

Tạm dịch:

A: Molly ở đâu?

B: Cô ấy đang cho con mèo của cô ấy ăn ở tầng dưới.

Choose "is feeding".

12 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả thói quen ở hiện tại; chân lí, sự thật hiển nhiên; lịch trình

Tạm dịch: Cô ấy có cần đi khám bác sĩ không?

Choose "Does she need".

13 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Usually: thường (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Cô ấy thường rửa bát đĩa sau bữa tối.

Choose "washes".

14 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Frequently: thường xuyên (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Anh ấy thường xuyên tập yoga.

Choose "does".

15 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả lịch trình, thời gian biểu

Tạm dịch: Chúng tôi sẽ chuyển đến Canada vào tháng 8.

Choose "are moving".

16 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Every day: mỗi ngày (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Con trai tôi không tập piano mỗi ngày.

Choose "doesn't practice".

17 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Các động từ chỉ sở thích không có dạng tiếp diễn

Tạm dịch: Tôi không thích chụp ảnh tự sướng.

Choose "don't like".

18 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Diễn tả kế hoạch trong tương lai

Tạm dịch: Megan sẽ đi đi nghỉ ở Cornwall vào mùa hè này.

Choose "is going".

19 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả lịch trình, thời gian biểu

Tạm dịch: Khi nào bộ phim bắt đầu?

Choose "does the film start".

20 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả chân lí, sự thật hiển nhiên

Tạm dịch: Trái đất quay quanh mặt trời.

Choose "goes".

21 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Listen!: Nghe này (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Nghe! Mẹ tôi đang hát một bài hát.

Choose "is singing".

22 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Every night: mỗi đêm (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Mỗi đêm, chúng tôi đều đi ngủ lúc 10 giờ tối.

Choose "go".

23 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Các động từ chỉ sở thích không có dạng tiếp diễn

Tạm dịch: Giang thích nhạc nhưng tôi thích Toán.

Choose "likes/like".

24 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Now: bây giờ (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Bây giờ, họ đang ở Huế.

Choose "are staying".

25 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả thói quen ở hiện tại

Tạm dịch: Cha tôi đọc một tờ báo vào buổi sáng.

Choose "reads".

26 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Tobe của danh từ số nhiều: are

Tạm dịch: Phong, An, Hà, Lan là bạn thân.

Choose "are".

27 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Diễn tả hành động đang xảy ra tại thời điểm nói

Tạm dịch: Đã 10 giờ rồi. Chúng tôi đang học bài học của chúng tôi.

Choose "is/are learning".

28 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Now: bây giờ (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Bây giờ bạn đang làm gì bây giờ?

Choose "are ... doing".

29 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Every day: mỗi ngày (dấu hiệu nhận biết)

Tạm dịch: Mẹ của bạn có đi bộ đi làm mỗi ngày không?

Choose "Does ... walk".

30 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả thói quen ở hiện tại

Tạm dịch: Họ không chơi bóng đá vào buổi sáng.

Choose "don't play".

31 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả thói quen ở hiện tại

Tạm dịch: Bạn học ở trường tiểu học không?

Choose "Do".

32 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Have (có) không có dạng V_ing

Tạm dịch: Chúng ta có pho mát trong tủ lạnh không?

Choose "Do".

33 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả thói quen ở hiện tại

Tạm dịch: Bà Smith lái xe đi làm?

Choose "Does".

34 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả lịch trình, thời gian biểu

Tạm dịch: Tàu đến lúc mười một giờ phải không?

Choose "Does".

35 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Diễn tả kế hoạch tương lai

Tạm dịch: Bạn định làm gì tối nay?

Choose "are ... doing".

36 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Diễn tả lời phàn nàn

Tạm dịch: Anh ấy luôn luôn phàn nàn. Nếu anh ấy không thích công việc đó, anh ấy nên tìm một công việc tốt hơn.

Choose "is always complaining".

37 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Diễn tả điều đang xảy ra tại thời điểm nói

Tạm dịch: Ở nhiều nước, chi phí thực phẩm và hóa đơn đang tăng.

Choose "is rising".

38 (NB)

Kiến thức: Thì động từ

Giải thích:

Normally: thường (dấu hiệu nhận biết hiện tại đơn)

At the moment: tại thời điểm này (dấu hiệu nhận biết hiện tại tiếp diễn)

Tạm dịch: Thông thường tôi bắt đầu làm việc lúc 8 giờ, nhưng tuần này tôi bắt đầu làm lúc 7 giờ. Chúng tôi đang bận

ngay bây giờ.

Choose "start/am starting".

39 (NB)

Kiến thức: Thì động từ

Giải thích:

This week: tuần này

Usually: thường

Tạm dịch: Hiện tại tôi không có ô tô nên tôi đang đi đi làm bằng xe buýt tuần này. Thông thường tôi lái xe đi làm.

Choose "am going/drive".

40 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Diễn tả thói quen ở hiện tại

Tạm dịch: Sarah đi tàu hàng ngày phải không? - Vâng, cô ấy luôn luônđi chuyến tàu.

Choose "always takes".